TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT
Ngày: 26 / 6 /2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ
Các Thẩm phán: ông Trần Đức Long và ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 03/2022/TLPT-KDTM ngày 07/3/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 710/2022/QĐ-PT ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn xây dựng T; địa chỉ: phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T - Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Hoài L - Nhân viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn xây dựng T. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S (*Nay đổi thành Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng S Việt Nam*); địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Y, khu đô thị T, đường TY, phường Hòa, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn N - Giám đốc. Có mặt.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh T và Luật sư Nguyễn Hồng Đ - Công ty Luật H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S - Bị đơn trong vụ án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Đại diện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hửu hạn Tư vấn xây dựng Tiến Phát trình bày**:*

Ngày 12/4/2019 giữa Công ty TNHH Tư vấn xây dựng T và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại S ký kết hợp đồng số: 30/2019/HĐKT-TP, theo đó Công ty T cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty S để xây dựng công trình H Quảng Bình. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã cung cấp đủ khối lượng theo yêu cầu. Tại biên bản chốt công nợ ngày 18/6/2020 hai bên xác nhận khối lượng bê tông thương phẩm do Công ty T cấp là 3.372,1m^3. Tính theo đơn giá thỏa thuận Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty T với số tiền 3.857.525.000 đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chốt công nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã thực hiện nghĩa vụ và đã đối chiếu công nợ với số tiền: 3.857.525.000 đồng. Tuy nhiên Công ty S chỉ mới thực hiện chuyển trả tiền hàng được 1.682.416.500 đồng, còn lại 2.175.108.500 đồng chưa thanh toán. Phía Công ty T đã xuất 04 hóa đơn GTGT số 0000241 ngày 14/5/2019, số 0000353 ngày 12/6/2019, số 0000489 ngày 10/07/2019, số 0000642 ngày 16/8/2019 với tổng số tiền 3.590.515.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên công ty T không xuất tiếp hóa đơn đối với số tiền còn lại 267.010.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc công ty S phải trả cho Công ty T số tiền 2.175.108.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả đúng số tiền đã xuất hóa đơn là 1.908.098.500 đồng cùng với tiền lãi, còn số tiền nợ nhưng chưa xuất hóa đơn 267.010.000 đồng thì nguyên đơn không yêu cầu.

- Đại diện của bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S trình bày:

Hoàn toàn thừa nhận việc ký kết hợp đồng kinh tế số 30/2019/HĐKT-TP ngày 12/4/2019 giữa Công ty T và Công ty S. Công ty S sẽ làm việc để chốt lại công nợ với Công ty T và cùng nhau đưa ra giải pháp thực hiện, thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án. Phía bị đơn yêu cầu Công ty T cung cấp các hồ sơ như "Quyết toán giá trị kèm theo hồ sơ chất lượng hàng hóa", "Biên bản đối chiếu công nợ", "Xuất hóa đơn VAT đầy đủ theo giá trị quyết toán" để làm cơ sở thanh toán cho hai bên và là chứng từ để Công ty S phục vụ công tác báo cáo tài chính, công tác thanh tra, quyết toán thuế, công tác kiểm toán theo quy định, tuy nhiên nguyên đơn chưa hoàn thành các hồ sơ thanh toán theo quy định của hợp đồng nên chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã Quyết định: Áp dụng Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 385; 386; 398; 401; 430; 436; 440; 357 Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S (nay là: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng S Việt Nam) phải trả cho Công ty TNHH Tư vấn xây dựng T số tiền tính đến ngày 24/01/2022 là: 2.335.300.553 đồng (trong đó: tiền hàng còn nợ 1.908.098.500 đồng và nợ lãi 427.202.053 đồng).

Từ ngày 25/01/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số: 30/2019/HĐKT-TP được ký kết giữa hai bên Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại S với Công ty TNHH tư vấn - xây dựng T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành bản án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/01/2022, bị đơn Công ty S có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện của Công ty S thừa nhận về khối lượng bê tông và tổng số tiền phải thanh toán, số tiền đã trả, số tiền còn thiếu đúng như trình bày của Công ty T đã cung cấp cho Tòa án. Lý do mà Công ty S chưa thanh toán hết tiền cho Công ty T là do Công ty T chưa cung cấp đủ hồ sơ thanh toán theo quy định tại mục 4.1 Điều 4 của hợp đồng cho Công ty S, cụ thể: chưa cấp đủ hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính; chưa gửi kết quả thí nghiệm bê tông R7, R28; chưa có giấy đề nghị thanh toán. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

- Đại diện của Công ty T trình bày: Công ty T đã cung cấp đầy đủ bê tông thương phẩm theo yêu cầu của Công Ty S. Hai bên đã chốt số lượng, chốt số tiền theo đúng giá cả đã thỏa thuận trong hợp đồng. Công ty T đã gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty S, trong đó có cả kết quả thí nghiệm bê tông R7 và R28. Nếu không có đề nghị thanh toán thì tại sao Công ty S lại gửi công văn xin trả nợ dần, và nếu không có kết quả thí nghiệm bê tông và hồ sơ kỷ thuật đầy đủ thì chủ đầu tư Công trình S Quảng Bình sẽ không thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền cho Công ty S vì trên thực tế thì Công trình S Quảng Bình đã đi vào hoạt động từ lâu, chủ đầu tư đã thanh toán hết các khoản tiền cho Công ty S. Công ty T đã cung cấp 04 hóa đơn giá trị gia tăng nhưng Công ty S không thanh toán nên còn lại 01 hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền 267.010.000 đồng Công ty T chưa cấp. Hiện nay số tiền chưa cấp hóa đơn số tiền 267.010.000 đồng này Công ty T không yêu cầu Công ty S phải trả cho Công ty T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng

xét xử tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 12/4/2019, Công ty Trách nhiệm hửu hạn Tư vấn xây dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Thương mại S (sau đây gọi tắt là Công ty S) cùng nhau ký kết *Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số: 30/2019/HĐKT-TP*. Theo đó, Công ty S đồng ý mua và Công ty T đồng ý bán Bê tông thương phẩm để thi công công trình S Quảng Bình; giá trị thanh toán được xác định bằng khối lượng thực tế nhân với đơn giá trong hợp đồng; Điều kiện thanh toán: vào ngày 30, 31 của tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ, bên A sẽ thanh toán cho bên B 70% giá trị theo bảng đối chiếu công nợ trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán; Điều kiện thanh toán tiếp theo: vào ngày 30, 31 của tháng tiếp theo bên B sẽ thanh toán khối lượng thực hiện của các tháng đó như thanh toán lần 1 (70%) và thanh toán nốt 30% giá trị hàng của tháng trước, …

[2] Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành số: 01/BBNTKL ngày 18/6/2020 và Biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, xác định được khối lượng bê tông thương phẩm mà Công ty T đã cung cấp để Công ty S xây dựng công trình S Quảng Bình là 3.372,1m^3, với giá trị tương ứng thành tiền là 3.857.525.000 đồng (*Ba tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*). Công ty T đã xuất 04 hóa đơn GTGT số 0000241 ngày 14/5/2019, số 0000353 ngày 12/6/2019, số 0000489 ngày 10/07/2019, số 0000642 ngày 16/8/2019 với tổng số tiền xuất hóa đơn là 3.590.515.000đ. Tuy nhiên Công ty S chỉ mới thực hiện chuyển trả tiền hàng được 1.682.416.500 đồng, còn lại 2.175.108.500 đồng chưa thanh toán (trong đó số tiền theo Hóa đơn GTGT đã xuất là 1.908.098.500 đồng, số tiền chưa xuất Hóa đơn GTGT là 267.010.000 đồng).

[3] Tại Biên bản đối chiếu công nợ đợt 4 thể hiện, tính đến ngày 31/7/2019 thì Công ty S còn nợ Công ty T tiền đổ bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình S Quảng Bình là 1.908.098.500 đồng.

[4] Xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai Công ty là hoàn toàn tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng các bên không sửa đổi, bổ sung hoặc bác bỏ nội dung đã ký kết. Công ty T đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty S và Công ty S đã tiến hành thanh toán một phần tiền cho Công ty T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S không có khiếu nại gì về chất lượng, khối lượng, giá cả, thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận bê tông, thủ tục thanh toán, … đối với Công ty T. Do đó các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Cụ thể Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản tiền tương ứng với khối lượng bê tông mà Công ty T đã cung cấp cho Công ty S thi công công trình S Quảng Bình mà hai bên đã xác nhận.

[5] Theo biên bản đối chiếu công nợ thì tính đến ngày 31/7/2019, Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 1.908.098.500 đồng. Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi chốt công nợ, Công ty T đã gửi hồ sơ đề nghị thanh toán nợ nhiều lần nhưng Công ty S chưa thanh toán nợ. Đến ngày 22/11/2021, Công ty S đã có công văn Số: 2211/2021/CV-SNG gửi cho Công ty T với nội dung: "… *Do quá trình thi công mưa lũ kéo dài, tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát, làm cho các dự án không phát triển được, … Từ đó Công ty S đề xuất Công ty T tạo điều kiện cho thanh toán một khoản trước tết âm lịch 2022; giá trị công nợ sẽ chia ra để thanh toán một số lần trong năm 2022.* …". Tuy nhiên đến nay Công Ty S vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S phải trả cho Công ty T số tiền 1.908.098.500 đồng là đúng quy định.

[6]. Về yêu cầu tính lãi: Do Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 1.908.098.500 đồng, nên Công ty T yêu cầu Công ty S phải trả tiền lãi theo lãi suất chậm trả 10%/năm; thời gian tính lãi từ ngày 01/10/2019 (sau hơn 1,5 tháng so với khi xuất hóa đơn GTGT sau cùng).

Xét thấy: Tại Điều 7 của Hợp đồng 30/2019/HĐKT-TP ghi: *"Trường hợp bên A chậm thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán thì bên B sẽ tính lãi suất chậm trả của ngân hàng bên B theo từng thời điểm theo số tiền chậm thanh toán".* Vì vậy, việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian chịu lãi tính từ ngày 10/10/2019 với số tiền lãi 427.202.053 đồng là đúng quy định.

[7] Công ty S kháng cáo cho rằng Công ty T chưa gửi đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty S nên Công ty S chưa thanh toán hết các khoản tiền cho Công ty T. Tuy nhiên nội dung kháng cáo trên là thiếu cơ sở, bởi lẽ sau khi chốt công nợ thì Công ty T đã xuất hóa đơn và gửi công văn đề nghị thanh toán nhưng Công ty S không thanh toán hết các khoản nợ. Chính Công ty S cũng đã có công văn trình bày điều kiện khó khăn của Công ty và đề nghị Công ty T "*tạo điều kiện cho thanh toán một khoản trước tế âm lịch 2022; giá trị công nợ sẽ chia ra để thanh toán một số lần trong năm 2022.* …". Mặt khác, như nguyên đơn đã trình bày nếu Công ty T không cung cấp đầy đủ hồ sơ kỷ thuật, hồ sơ thanh toán cho Công ty S để Công ty S cung cấp cho chủ đầu tư, thì chủ đầu tư S Quảng Bình cũng sẽ không hoàn tất hồ sơ thanh toán cho Công ty S. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã tạo điều kiện cho Công ty T giao lại hồ sơ thanh toán theo yêu cầu của Công ty S để Công ty S thanh toán hết nợ cho Công ty T nhưng Công ty S không đồng ý và cho rằng Công ty T đã vi phạm hợp đồng nên Công ty S không chịu trách nhiệm về vi phạm đó. Như vậy, chứng tỏ Công ty S không có thiện chí thanh toán hết nợ cho Công ty T. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty S nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Công ty S kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S (*Nay là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng S Việt Nam*). Giữ nguyên toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 24/01/2022, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại S (nay là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng S Việt Nam) phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001102 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực phát luật kể từ ngày tuyên án (26/6/2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: AV; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Hữu Sỹ